

Bản án số: 33/2018/HNGĐ - ST.
Ngày: 11 - 12 - 2018.
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước.
2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh S tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Số nhà 112, ấp M, xã H, huyện L, tỉnh S (Có mặt).
2. Bị đơn: Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1985;
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh S (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Vào năm 2013 bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V có kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P huyện L, tỉnh S vào ngày 16/4/2013. Sau khi kết hôn bà Đ và ông V chung sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông V không quan tâm chăm sóc vợ con và có mâu thuẫn về kinh tế trong gia

đình. Bà Đ và ông V sống ly thân từ tháng 04 năm 2018 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hoàng V.

Trong quá trình chung sống bà Đ và ông V có một người con chung tên Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015, hiện nay đang sống với bà Đ. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa ông V thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, bà đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Hoàng V trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian ly thân giống như lời trình bày của bà Đ. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn ông cho rằng vợ chồng trong quá trình chung sống sẽ có sự cãi vã, xích mích về tiền bạc, đôi lúc không quan tâm nhau nhưng không phải trầm trọng để ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà Đ vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đường sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

+ Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của ông V cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hương G mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P huyện L, tỉnh S. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Phạm Hoàng V. Xét yêu cầu của bà ĐHội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc, ông Vkhông lo chăm sóc cho gia đình. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn và hai bên sống ly thân vào tháng 4 năm 2018 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông Vvà bà Đđược Tòa án cho thời gian để đoàn tụ nhưng không hàn gắn được và cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 30/10/2018 về tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Phạm Hoàng V.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015; tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Hoàng V đồng ý giao cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Phạm Hương G đang sống với bà Đvà để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Phạm Hương G. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V. Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Đ là

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015.

Ông Phạm Hoàng V có quyền thăm nom cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phạm Hoàng V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hương G theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông Phạm Hoàng V thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 11/12/2018 và bà Nguyễn Thị Hồng Đ đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ, ông V về việc ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi là có căn cứ theo quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đ cho rằng trong thời gian chung sống bà Đ, ông V không có tài sản chung, nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Phạm Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273, khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Phạm Hoàng V được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015. Ông Phạm Hoàng V có quyền thăm nom cháu Phạm Hương G không ai được cản trở.

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phạm Hoàng V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hương G.

3. Về cấp dưỡng: Ông Phạm Hoàng V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hương G, sinh ngày 12/6/2015 mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu Phạm Hương G đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 11/12/2018.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005630 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hoàng V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện L;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA